



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-4-857 3412, 533 2267 - Fax: +84-4-857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung:

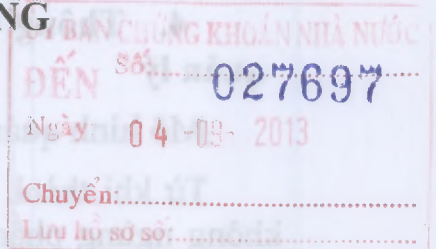
1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**
- Tên tiếng Anh: *Central Plant Protection Joint Stock Company No.1*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100101611 ngày 04/11/2011
- Vốn điều lệ: 52.500.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 52.500.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 84-4-857 2764/ 857 2765/533 2267/533 0179.
- Fax: 84-4-8572751
- Website: www.psc1.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): BT1

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 (tiền thân của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương) là đơn vị kinh tế hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được thành lập theo Quyết định số 403 NN-TCCB/QĐ ngày 26 tháng 11 năm 1985 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và trở thành doanh nghiệp độc lập trực thuộc Bộ theo Quyết định số 08-NN-TCCB/QĐ ngày 06 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Ngày 10 tháng 11 năm 2005 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3112/BNN-ĐMDN về việc chuyển Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 thành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.



Ngày 05/6/2006, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 010301275.

Ngày 04 tháng 11 năm 2011, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101611.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) là sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, xuất nhập khẩu vật tư bảo vệ thực vật, phân bón, nông sản...

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn quốc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, đổi mới cải tiến công nghệ. Tính đến nay, Công ty đã có 11 chi nhánh, 07 Tổ Bán hàng Khu vực, 03 xưởng sản xuất hoạt động trải dài trên phạm vi cả nước. Các sản phẩm Công ty cung cấp được thị trường chấp nhận, hoạt động công ty ổn định và không ngừng phát triển. Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại địa chỉ: Số 145 phố Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Sơ đồ tổ chức của Công ty (xem trang tiếp theo)

Cơ cấu bộ máy quản lý:

a. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

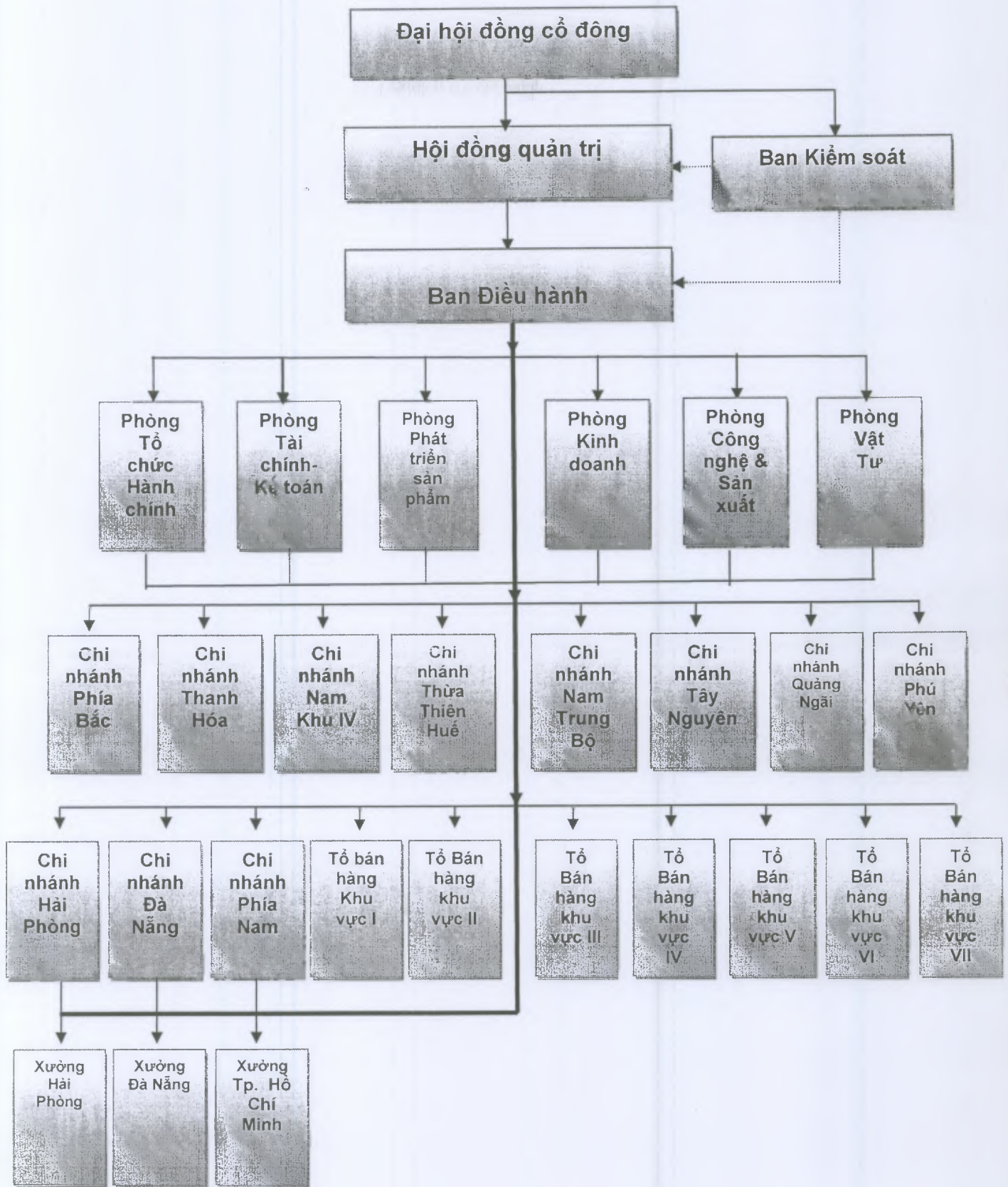
b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị gồm (05) năm thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

c. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCD bầu ra.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT I TW



d. Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

e. Phó Tổng Giám đốc Công ty

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

g. Các phòng ban chức năng:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Phát triển sản phẩm
- Phòng Công nghệ và Sản xuất
- Phòng Vật tư

h. Các Chi nhánh và Tổ Bán hàng khu vực:

- Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: Km 9 Vật Cách, Quán Toan, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.850032/ 850053 Fax: 0313.850184

- Chi nhánh Phía Bắc

Địa chỉ: Thị trấn Vương, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321.873636/ 873590 Fax: 0321.873603

- Chi nhánh Thanh Hóa (tạm ngừng kinh doanh để cơ cấu lại tổ chức).

Địa chỉ: 318 đường Trần Hưng Đạo, Phường Nam Ngạn,

Thành phố Thanh Hóa

Điện thoại: 0373.873636/873590 Fax: 0373.754264

- Chi nhánh Nam Khu IV (tạm ngừng kinh doanh để cơ cấu lại tổ chức).

Địa chỉ: 160 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh.

- Chi nhánh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Xã Thủy Dương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 054.864403 Fax: 054.864403

- Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 05113.784396 Fax: 05113.780191

- Chi nhánh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Khối 1, Thị trấn La Hà, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 055.845887 Fax: 055.845887

- Chi nhánh Nam Trung Bộ

Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.833555 Fax: 056.833777

- Chi nhánh Phú Yên

Địa chỉ: Quốc Lộ 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Điện thoại: 057.822866 Fax: 057.252314

- Chi nhánh Tây Nguyên

Địa chỉ: Km 4, Quốc Lộ 14 Phường Tân An, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 050.953356 Fax: 050.952069

- Chi nhánh Phía Nam

Địa chỉ: Lầu 3, 135A, Đường Pasteur, P.6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8247554 Fax: 08.8277808

- Tổ Bán hàng Khu vực I

Địa chỉ: Khách sạn Hoàng Yến, Đường Hà Nội, TP. Nam Định

Điện thoại: 03503.676350 Fax: 03503.676350

- Tổ Bán hàng khu vực II

Địa chỉ: Km 9 Vật Cách, Quán Toan, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.850032 Fax: 0313.850184

- Tổ Bán hàng Khu vực III

Địa chỉ: Số 819, Đường Long Hưng, Thành phố Thái Bình

Điện thoại: 036.745489 Fax: 036.745489

- Tổ Bán hàng Khu vực IV.

Địa chỉ: Khách sạn Thiên Hương, số 17 Quang Trung, Thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038. 8602 034 Fax: 038. 8602 034

- Tổ bán hàng Khu vực V

Địa chỉ : 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 3533 4827 Fax: 04 - 3533 4827

- Tổ bán hàng Khu vực VI

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Hoà Khương, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113. 784396 Fax: 05113.780191

- Tổ bán hàng Khu vực VII.

- Các Xưởng sản xuất:

+ Xưởng sản xuất tại Vật Cách, Hải Phòng trực thuộc Chi nhánh Hải Phòng.

+ Xưởng sản xuất tại Hòa Khương, Đà Nẵng trực thuộc Chi nhánh Đà Nẵng.

+ Xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Chi nhánh Phía Nam.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty và phát triển ổn định, bền vững.
- + Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.
- + Tập trung quản lý tiền hàng, tài sản của Công ty; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- + Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

a. Về sản xuất kinh doanh:

- Ổn định và phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu sản xuất. Công ty chủ động trong việc duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty cũng như mở rộng, đa dạng hóa nguồn cung ứng hàng đầu vào, xây dựng các cơ sở sản xuất nhằm mở rộng kinh doanh, tăng tính chủ động trong việc quản lý nguồn cung.
- Ổn định bộ máy tổ chức của công ty tinh gọn và hiệu quả, đào tạo đội ngũ nhân lực.
- Củng cố và mở rộng hệ thống kênh phân phối gồm hệ thống Chi nhánh, Tổ Bán hàng Khu vực, Khách hàng cấp 1, khách hàng cấp 2 phân phối sản phẩm mang tính chuyên nghiệp nhằm giữ vững và mở rộng thị phần. Song song đó là công tác đẩy mạnh khâu tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua việc tích cực tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các cuộc triển lãm, hội chợ, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng...
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh trên cơ sở tận dụng kênh phân phối sẵn có của công ty.

b. Về quản lý tài chính:

Tăng cường công tác quản lý tài chính của Công ty, quản lý sử dụng các nguồn vốn hợp lý, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

c. Về tổ chức bộ máy hoạt động:

Cơ cấu lại doanh nghiệp thông qua việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của công ty

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn là địa chỉ tin cậy của bà con nông dân, của các đối tác trong và ngoài nước, của Quý bạn hàng. Với phương châm "*Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam xanh, sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà*" Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đề ra các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Sản xuất, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, điều hoà sinh trưởng cây trồng chất lượng cao, an toàn với con người, cây trồng và môi trường.
- Đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng của bà con nông dân, các đối tác và của Quý bạn hàng.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khoẻ và an toàn cho người lao động, đảm bảo môi trường.

6. Các rủi ro: Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty:

6.1. Rủi ro biến động kinh tế

Sự biến động của thị trường thế giới sẽ tác động lớn đến thị trường trong nước như: Lĩnh vực dầu thô khi giá cả biến động dẫn theo giá nguyên vật liệu chính cũng biến động; các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam bị cạnh tranh bởi nhiều nước khác phải giảm giá, làm cho người nông dân giảm đầu tư, .v.v.

Biến động trong việc phát triển kinh tế cũng có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh, từ đó ảnh hưởng tới việc nhập nguyên vật liệu đầu vào của Công ty.

6.2. Rủi ro pháp luật

Từ doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các quy định đặc thù về ngành nghề kinh doanh. Vì vậy những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó việc gia nhập AFTA cũng như WTO, Việt Nam sẽ bước vào sân chơi chung của quốc tế, do đó luật pháp của Việt Nam cũng phải có những điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng chung của thị trường và luật quốc tế. Điều đó sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong giai đoạn hội nhập này.

6.3. Rủi ro kinh doanh và rủi ro biến động nguồn nguyên vật liệu

Nhà cung cấp: Hiện nay Công ty đang kinh doanh phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu của một số công ty nước ngoài; trong điều kiện cụ thể nào đó công ty không thể đáp ứng được các yêu cầu của đối tác, dẫn đến nhà cung cấp có thể không tiếp tục giao cho công ty kinh doanh phân phối các sản phẩm của họ do đó có thể sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh;

Nguyên vật liệu chính, phụ: Bị ảnh hưởng bởi tình hình thế giới. Hiện nay trong lĩnh vực hoá chất bảo vệ thực vật trên 95% nguồn nguyên vật liệu chính phải nhập khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu thực hiện chế biến, sang chai, đóng gói nhỏ; chưa có nhiều nhà máy trực tiếp sản xuất ra nguyên liệu thuốc trừ sâu từ hóa chất cơ bản (Công ty Liên doanh sản xuất Kosvida chỉ mới sản xuất được vài loại nguyên liệu, với công suất nhỏ không đáp ứng đầy đủ). Do vậy nguồn nguyên vật liệu chính hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài;

Những nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh như quy hoạch kinh tế vùng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thay đổi làm cho thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thay đổi; thời tiết khí hậu, dịch hại bất thường tác động đến khả năng

tiêu thụ sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật; giá cả nông sản cao hoặc thấp sẽ làm tăng hoặc giảm nguồn đầu tư của nông dân.

6.4. Rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm những tác động của lĩnh vực ngân hàng như: Lãi suất tiền vay, lãi suất tiền gửi tăng giảm và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ảnh hưởng đến lợi nhuận. Ngoài ra, thị trường tài chính Việt Nam hiện đang có nhiều biến động khá lớn, ví dụ lãi suất tín dụng ở mức cao trong thời gian gần đây và giảm chậm trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng huy động vốn phục vụ nhu cầu ngắn hạn và chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái (PSC.1 phải nhập khẩu nguyên liệu nên tỷ giá hối đoái ảnh hưởng tương đối lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh) tăng giảm là khó đoán trước vì vậy sẽ có nhiều thách thức cho công tác quản trị tài chính của Công ty.

Công nợ với khách hàng trong thời gian qua và sắp tới vẫn phải đầu tư tín dụng cho các đại lý mua hàng, bởi hệ thống phân phối trực tiếp đến người nông dân chưa có, phải thông qua các khách hàng trung gian. Việc đại lý nợ nhiều ngoài rủi ro khó thu hồi còn làm cho việc tiếp tục bán hàng cho kênh phân phối này có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến tiến độ bán hàng.

6.5. Rủi ro cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành

Các đối thủ cùng ngành nghề đang cạnh tranh quyết liệt để giành giật thị trường. Do vậy khi sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh thu hút được sự quan tâm của khách hàng sẽ làm giảm khả năng phân phối sản phẩm của Công ty. Đồng thời mỗi công ty đều có những chiến lược bán hàng khác nhau như: Giá cả sản phẩm, chính sách khuyến mãi, tín dụng nợ với đại lý trung gian, quảng bá, tiếp thị... Tất cả những yếu tố này có thể gây ra những khó khăn nhất định cho Công ty.

Trên thế giới các công ty đa quốc gia có thể sáp nhập với các công ty trong nước, hoặc trực tiếp kinh doanh phân phối, hoặc giao những sản phẩm cho các đối thủ cạnh tranh,... cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

6.6. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Trong năm 2012 tình hình dịch hại xuất hiện không nhiều như: Sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn, rầy nâu hại lúa... Do đó nhiều chủng loại sản phẩm có lợi nhuận cao bán được ít dẫn đến tuy doanh số tăng nhưng lợi nhuận đạt không cao, chủ yếu bán được một số loại thuốc trừ cỏ cho cây công nghiệp nhưng các sản phẩm này có lợi nhuận thấp.

+ Công ty tập trung nghiên cứu phát triển và đăng ký các sản phẩm mới phù hợp với yêu cầu thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, cải tiến các loại bao bì, vật tư phù hợp với từng loại thuốc bảo vệ thực vật để đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm, gọn nhẹ trong vận chuyển, an toàn và bảo vệ môi trường và chống hàng nhái, hàng giả.

+ Công ty xây dựng chính sách giá bán trên cơ sở giá cả đầu vào, phù hợp với tình hình thị trường và thu nhập của bà con nông dân, đảm bảo đủ chi phí và có lợi nhuận.

- Một số chỉ tiêu về tài chính trong năm 2012:

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện năm 2012	TH 2012 so TH 2011 (%)	TH 2012 so KH 2012 (%)
1	Tổng doanh thu	361.086.128.258	300.875.000.000	375.722.258.962	104,05	124,88
2	Tổng chi phí	353.623.734.895	287.725.660.348	363.876.502.442	102,90	126,47
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.462.393.363	13.149.339.652	11.845.756.520	158,74	90,09
4	Thuế TNDN	1.938.790.506	3.287.334.913	3.102.143.929	160,00	94,37
5	Nộp ngân sách	19.509.051.499	15.000.000.000	19.399.127.887	99,44	129,33
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.777.464.997	9.862.004.739	10.053.018.457	148,33	101,94
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.322	2.000	1.915	144,86	95,75
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	6.018.456	6.743.500	7.205.090	119,73	106,86

Năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do chịu hậu quả của khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát tăng, tiền thuê đất tăng gấp 2 lần so với năm 2011, chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ..., đặc biệt do dịch hại ít xuất hiện nên một số sản phẩm có lợi nhuận cao không tiêu thụ được nhiều. Tuy nhiên HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty đã nỗ lực phấn đấu không ngừng,

cố gắng hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra về doanh số bán hàng: Tổng doanh thu năm 2012 đạt hơn 375,72 tỷ đồng, tăng 4,05% so với năm 2011. Lợi nhuận năm 2012 tăng 48,33% so với năm 2011 và tăng 1,94% chỉ tiêu so với kế hoạch 2012: Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 11,84 tỷ đồng, tăng 58,74% so với năm 2011 nhưng thấp hơn so với kế hoạch là 9,91%. Chi phí của Công ty tăng khá cao, chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, chi phí tài chính ổn định do bình ổn chênh lệch tỷ giá (lãi suất tiền vay ngân hàng thấp hơn so với năm 2011); Công ty sử dụng nợ ngắn hạn nhiều để dùng cho vốn lưu động.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

a. Ông ĐẶNG VĂN THÔNG

Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Số CMND	011773468 Cấp ngày 09/4/2008. Nơi cấp CA Hà Nội
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	20/10/1964
Nơi sinh:	Đông Anh - Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 21 ngõ 104 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư nông học, Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
Tháng 6/1991- 3/1993	Nhân viên trung tâm kiểm định hóa chất bảo vệ thực vật, Cục bảo vệ thực vật
Tháng 4/1993-6/1995	Nhân viên Phòng kỹ thuật, Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/1995-8/1996	Kỹ sư, phòng kỹ thuật Công ty
Tháng 9/1996-5/1998	Phó phòng thị trường Công ty
Tháng 6/1998-3/2002	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty
Tháng 4/2002-6/2003	Phó Giám Đốc Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2003-6/2006	Quyền Giám Đốc Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2006- 3/2009	Chủ tịch HĐQT, Giám Đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Tháng 4/2009- 3/2013	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

- Số cổ phiếu nắm giữ đến ngày 18/03/2013: 1.672.087 cổ phiếu
+ Sở hữu cá nhân: 320.114 cổ phiếu, chiếm 6,097% Vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 1.351.973 cổ phiếu chiếm 60% phần vốn góp của nhà nước
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty tại ngày 18/03/2013: Không

b. Ông ĐỖ ĐỨC CƠ

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 TW

Số CMND: 012899334 Cấp ngày 04/8/2006. Nơi cấp CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Năm sinh: 21/10/1962

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 4 Ngõ 470, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Tháng 8/1984-4/1993: Kỹ sư, Cục bảo vệ thực vật

Tháng 5/1993-6/1994: Kỹ sư Phòng Kỹ Thuật, Công ty Vật tư BVTV 1

Tháng 7/1994-2/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư BVTV. 1

Tháng 3/2002-6/2006: Phó Giám Đốc Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1

Tháng 7/2006-3/2009: Ủy viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tháng 4/2009-3/2013: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ đến ngày 18/03/2013: 975.639 cổ phiếu
- + Sở hữu cá nhân: 74.324 cổ phiếu, chiếm 1,415% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 901.315 cổ phiếu chiếm 40% phần vốn góp của nhà nước
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty tại ngày 18/03/2013: Không

c. Ông TRẦN QUANG DINH, Kế toán trưởng Công ty.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Số CMND: 013014442 Cấp ngày 27/10/2007. Nơi cấp CA Hà Nội

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	30/08/1961
Nơi sinh:	Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 18 Ngõ 135, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Tháng 4/1987-5/1990	Phụ trách Phòng kế hoạch Vật tư Chi cục BVTV Nghệ Tĩnh
Tháng 6/1990-7/1994	Kế toán trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Tĩnh
Tháng 7/1994-7/2002	Giám Đốc chi nhánh Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hà Tĩnh
Tháng 7/2002-11/2004	Trưởng phòng tài vụ Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
Tháng 12/2004-6/2006	Kế toán trưởng Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2006-3/2013	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần BVTV 1 Trung ương
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

- Số cổ phiếu nắm giữ đến ngày 18/03/2013: 74.444 cổ phiếu
- + Sở hữu cá nhân: 74.444 cổ phiếu, chiếm 1,417% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu chiếm 0% phần vốn góp của nhà nước
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty tại ngày 18/03/2013: Không

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên.

- Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 01/03/2013 là 292 người với cơ cấu như sau:

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Đại học và trên đại học	94	32,2 %
Trình độ trung cấp	28	9,58 %
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	170	58,22 %

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo tính chất hợp đồng		
Hợp đồng lao động dài hạn	196	
Hợp đồng lao động ngắn hạn	96	
Tổng cộng	292	100%

2.3. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/ tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, trong thời gian mùa vụ hoặc chiến dịch phòng chống sâu bệnh, dịch hại, Công ty phải huy động các đơn vị sản xuất, bán hàng làm thêm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không quá 04 giờ/ngày/người và 200 giờ/năm/người. Công ty và nhân viên có thể thoả thuận về việc làm thêm giờ. Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng Luật Lao động.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp đảm bảo đảm trách được các công việc được giao, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

Chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Ngoài các khoản phải trả cho người lao động theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Công ty còn trích các phụ cấp trả cho cán bộ, CNV như: phụ cấp chức vụ, độc hại v.v... làm tăng thêm thu nhập cho người lao động. Mức lương bình quân đến thời điểm 28/02/2013 là 7,2 triệu đồng/người/tháng và còn có xu hướng tăng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Đầu tư mua sắm TSCĐ trong năm:

	VNĐ
5.1. Tổng mức đầu tư mới và tăng khác	3.875.662.809
Trong đó:	
- Đầu tư cho xây dựng cơ bản	2.155.941.217
- Đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải	445.676.363
- Đầu tư nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất	831.624.000
- Tăng khác (do điều chuyển tài sản trong nội bộ công ty)	442.421.229
5.2. Tổng mức giảm trong năm	1.360.141.426
Trong đó:	
- Giảm thanh lý	935.088.143
- Giảm khác (do điều chuyển tài sản trong nội bộ công ty)	425.053.283

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	234.657.732.345	221.278.827.495	106,05
2	Doanh thu thuần	Đồng	373.066.879.669	356.451.309.470	104,66
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	11.214.923.843	6.196.692.740	180,98
4	Lợi nhuận khác	Đồng	630.832.677	1.265.700.623	49,84
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	11.845.756.520	7.462.393.363	158,74
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.053.018.457	6.777.464.997	148,33
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	14	10	140

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011	Ghi chú
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
	+ Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	1,39	1,39	

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011	Ghi chú
2	Hệ số thanh toán nhanh:				
	+ Hàng tồn kho/nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,0	
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,01	63,98	
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,78	1,77	
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho:				
	+ Giá vốn hàng bán bình quân	Triệu đồng	153.571	128.724	
	+ Hàng tồn kho bình quân		1,88	2,08	
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản :		1,59	1,61	
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,69	1,87	
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,9	8,5	
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,28	3,06	
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,0	1,73	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 5.250.000 CP

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Trong đó:

- Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng: 5.000.000 CP

- Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 03 năm (Từ 01/7/2011 đến 30/6/2014): 250.000 CP

b. Cơ cấu cổ đông:

Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Vốn điều lệ	52.500.000.000 VNĐ
Tổng số cổ phần:	5.250.000 CP
+ Phân chia theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	
- Cổ đông lớn	2.573.402
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	49,017

- Cổ đông nhỏ	2.676.598
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	50,983
+ Phân chia tỷ lệ theo cổ đông tổ chức và cá nhân:	
- Cổ đông tổ chức	2.819.348
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	53,702
- Cổ đông cá nhân	2.430.652
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	46,298
+ Phân chia theo cổ đông trong nước và ngoài nước:	
- Cổ đông trong nước	5.250.000
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	100
- Cổ đông ngoài nước	0
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	0
+ Phân chia theo cổ đông nhà nước và cổ đông khác:	
- Số cổ phần của nhà nước	2.253.288
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	42,919
- Số cổ phần của các nhà đầu tư khác	2.996.712
Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	57,081

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Trong năm 2012 Công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần, không thực hiện chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e. *Các chứng khoán khác:* Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Năm 2012 tuy gặp rất nhiều khó khăn song hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt được kết quả khả quan:

+ Doanh số: Vượt 24,88% so với kế hoạch; tăng 4,05% so với năm 2011.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN: Vượt 1,94% so với kế hoạch và tăng hơn so với năm 2011 là 48,33%.

+ Lãi cơ bản/cổ phiếu: Đạt 95,75% so với kế hoạch, nhưng tăng hơn năm 2011 là 44,86%.

+ Thu nhập bình quân/người/tháng: Vượt 6,86% so với kế hoạch và tăng hơn năm 2011 là 19,73%.

+ Nộp ngân sách: Vượt 29,33% so với kế hoạch.

+ Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 14%. Tuy không đạt so với kế hoạch (16%) nhưng đạt cao hơn 4% so với năm 2011 và chấp nhận được, đặc biệt trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp thua lỗ, phá sản.

- Trong năm 2012, hầu hết các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch, tuy nhiên có chỉ tiêu tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ không đạt kế hoạch (14% so với kế hoạch là 16%) và chỉ tiêu lãi cơ bản/cổ phiếu chỉ đạt 95,75% so với kế hoạch.

+ Nguyên nhân: Do khó khăn chung của nền kinh tế trong nước; giá cả nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động; tình hình một số dịch hại quan trọng ít xuất hiện nên những sản phẩm có lợi nhuận cao bán được ít; năm 2012 thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ được giảm 5% (so với năm 2011 là 15%); chi phí tăng 26,47%; số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi, miễn giảm và số tiền thuế thu nhập được miễn 30% theo ND 101/2011/ND-CP chuyển về quỹ đầu tư phát triển.

+ Trách nhiệm của Ban Điều hành: Trong năm 2012 Ban Điều hành đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, kết quả đạt được tương đối khả quan nhưng chỉ tiêu về tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ không đạt so với kế hoạch. Tuy nhiên điều này có thể chấp nhận được trong bối cảnh chung nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ và thậm chí nhiều doanh nghiệp đã phải ngừng hoạt động.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

+ Thị trường được củng cố và mở rộng, nhất là trên cây công nghiệp, thể hiện qua doanh số tăng cao hơn những năm trước.

+ Không để xảy ra thất thoát về tiền hàng.

+ Hệ thống khách hàng được quan tâm chăm sóc tốt hơn nên duy trì được khả năng tiêu thụ hàng hoá.

+ Bộ máy tổ chức được sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, tập trung ưu tiên cho công tác bán hàng, thu tiền; công tác cán bộ được quan tâm, chú ý đào tạo.

+ Công tác sản xuất được đầu tư phù hợp để từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo cung ứng tương đối đủ, kịp thời theo yêu cầu của thị trường; đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường theo quy định.

+ Công tác Đảng, đoàn thể được thực hiện đúng quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động, của cổ đông.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Trong năm Công ty đầu tư gần 4 tỷ đồng chủ nhằm xây dựng mua sắm văn phòng làm việc tại Chi nhánh Phú Yên, Chi nhánh Phía Nam và các xưởng sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, môi trường làm việc, tăng năng suất lao động. Mua sắm máy móc trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh chính

của Công ty. Đã nhận chuyển nhượng được Giấy chứng nhận chuyển quyền sử dụng đất tại Phú Yên.

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG) tại thời điểm 31/12/2012	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	49.500.613.449	22.189.391.348	44,82
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	23.563.789.141	10.534.279.518	44,70
2	Máy móc thiết bị	9.427.552.328	3.563.655.180	37,79
3	Phương tiện vận tải	14.470.222.850	7.801.386.909	53,91
4	Thiết bị quản lý	1.799.083.130	158.522.992	8,81
5	Tài sản cố định khác	239.966.000	131.546.749	54,82
II	Tài sản cố định vô hình	831.624.000	831.624.000	1,00
1	Quyền sử dụng đất	831.624.000	831.624.000	1,00
	Cộng	50.332.237.449	23.021.015.348	45,73

a) Tình hình nợ phải trả:

+ Các khoản vay ngắn hạn

KHOẢN VAY	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2011 (VNĐ)
Vay VND	21.773.699.460	10.277.820.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	5.888.470.500	
Ngân hàng Vietcombank Hà Tây	6.861.222.800	
Ngân hàng Eximbank Long Biên	8.246.006.160	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC-CN Hà Nội		5.300.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Tây Hà Nội		2.600.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Chi nhánh Thủ Đô Lương Thị Tú		2.337.820.000
Nguyễn Tiến Dũng		40.000.000
Vũ Thị Thanh Huyền	160.000.000	
	618.000.000	
Vay USD	83.844.491.730	108.721.076.945
Ngân hàng Vietcombank Hà Tây	10.310.169.060	48.465.166.824
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC-CN Hà Nội	19.039.862.400	4.912.075.520
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Tây Hà Nội	2.097.648.000	2.909.121.741
Ngân hàng NN&PTNN Chi nhánh Thủ Đô	17.037.979.400	11.796.993.780
Ngân hàng NN&PTNN Chi nhánh Thanh Xuân		1.012.240.800
Ngân hàng Eximbank Long Biên	35.358.832.870	39.625.478.280
Cộng:	105.618.191.190	118.998.896.945

Không có nợ vay quá hạn. tuy nhiên những khoản nợ vay phải trả đều nằm trong hạn mức cho phép, các khoản vay đều được đảm bảo bằng tài sản, hàng tồn kho và các khoản nợ phải thu.

Số nợ vay ngắn hạn năm 2012 giảm so với năm 2011 là 11,25%, thời hạn vay là từ 3 tháng đến 9 tháng; lãi suất vay năm 2012 giảm so năm 2011 là 26,78%. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ năm 2012 ổn định giảm 91,48% so với năm 2011. Công ty nhập khẩu hàng vì vậy Công ty vay nhập khẩu hàng bằng ngoại tệ lớn hơn tiền VNĐ vì lãi vay ngoại tệ thấp hơn lãi vay VNĐ.

+ Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	31/12/2012		31/12/2011	
	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu khách hàng	20.727.096.379	4.345.129.547	27.057.461.593	4.201.500.972
Trả trước cho người bán	2.089.353.249		5.010.907.549	
Thuế GTGT được khấu trừ	3.957.550.759		2.781.630.475	
Phải thu khác	355.459.389		429.103.112	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.144.126.528		2.026.857.048	
Tổng cộng	29.273.586.304	4.345.129.547	37.026.857.048	4.201.500.972

Năm 2012 Công ty có các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn tăng 3,42% so với cùng kỳ năm 2011.

Đến tại thời điểm 31/12/2012 số tiền nợ xấu chưa được chi tiết từng khách hàng nợ Công ty như sau:

TT	Họ và tên khách hàng	Thuộc đơn vị quản lý	Số tiền (đồng)	Lý do
1	Công ty cổ phần Minh Sơn	Văn Phòng Công ty	509.351.020	Chây ý không trả
2	Nguyễn Thị Thu	Tổ bán hàng Khu vực V	216.581.980	Chây ý không trả
3	Lưu Văn Hiệp	Chi nhánh Tây Nguyên	25.664.660	Chây ý không trả
4	Cao Thanh Hà	Chi nhánh Tây Nguyên	146.220.050	Chây ý không trả
5	Kim Châu	Chi nhánh Tây Nguyên	4.007.120	Chây ý không trả
6	Đặng Đức Thắng	Chi nhánh Tây Nguyên	67.692.350	Chây ý không trả
7	Nguyễn Đông Sơ	Chi nhánh Quảng Ngãi	17.377.474	Chây ý không trả
8	Nguyễn Thị Thanh Bình	Chi nhánh TT Huế	26.817.374	Chây ý không trả
9	Nguyễn Văn Minh	Chi nhánh Nam Trung Bộ	15.307.187	Bị tai nạn mất hành vi, bỏ kinh doanh
10	Mai Thanh Tâm	Chi nhánh Phía Nam	350.086.280	Chây ý không trả
11	Phan Thị Ngọc Bích (Tích Thảo)	Chi nhánh Phía Nam	340.190.900	Chây ý không trả
	Tổng cộng		1.719.296.395	

Công ty kinh doanh mặt hàng phục vụ nông nghiệp có độ rủi ro cao; nông dân mua nợ nhiều, thiên tai hạn hán mất mùa nông dân không có tiền trả nợ; mặc dù Công ty đưa ra nhiều giải pháp bán hàng, xây dựng các chính sách bán hàng trả tiền ngay và trả chậm, tích cực quản lý và thu hồi công nợ.

+ Các khoản phải trả:

Chi tiêu	31/12/2012		31/12/2011	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	150.217.940.929	0	141.408.772.926	0
+Vay và nợ ngắn hạn	105.618.191.190	0	118.998.896.945	
+Phải trả cho người bán	14.600.207.410	0	6.546.996.864	0
+Người mua trả tiền trước	1.432.523.927	0	4.479.327.348	
+Các khoản phải nộp NS nhà nước	1.409.189.099	0	967.954.506	0
+Phải trả công nhân viên	9.441.831.352	0	5.962.124.421	0
+Chi phí phải trả	778.946.025	0	643.328.100	0
+Phải trả nội bộ				0
+Phải trả, phải nộp khác	17.277.291.686	0	4.288.202.588	0
+Quỹ khen thưởng phúc lợi	-340.239.760	0	-478.057.846	
Nợ dài hạn			182.230.224	0
+Vay và nợ dài hạn				0
+Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	182.230.224	0
Tổng	150.217.940.929		141.591.003.150	0

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy của hai Chi nhánh: Chi nhánh Thanh Hóa và Chi nhánh Nam Khu IV, giao thị trường kinh doanh cho các Tổ Bán hàng khu vực quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Về sản xuất kinh doanh

Ổn định và phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu sản xuất. Công ty sẽ chủ động trong việc duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty cũng như mở rộng, đa dạng hóa nguồn cung ứng hàng đầu vào, xây dựng các cơ sở sản xuất nhằm mở rộng kinh doanh, tăng tính chủ động trong việc quản lý nguồn cung.

Ổn định bộ máy tổ chức của công ty tinh gọn và hiệu quả, đào tạo đội ngũ nhân lực.

Củng cố và mở rộng hệ thống kênh phân phối gồm hệ thống chi nhánh, các đại lý, cửa hàng phân phối sản phẩm. Công ty sẽ xây dựng hệ thống phân phối hàng cấp 1, cấp 2 một cách hoàn chỉnh và mang tính chuyên nghiệp nhằm

giữ vững và mở rộng thị phần. Song song đó là công tác đẩy mạnh khâu tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua việc tích cực tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các cuộc triển lãm, hội chợ, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Mở rộng ngành nghề kinh doanh trên cơ sở tận dụng kênh phân phối sẵn có của công ty.

b. Về quản lý tài chính

Tăng cường công tác quản lý tài chính của Công ty, quản lý sử dụng các nguồn vốn hợp lý, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

c. Về tổ chức bộ máy hoạt động

Cơ cấu lại doanh nghiệp thông qua việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Về hiệu quả hoạt động của Công ty:

Tổng doanh thu năm 2012 đạt hơn 375,72 tỷ đồng, tăng 4,05% so với năm 2011; Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 tăng 48,33% so với năm 2011 và tăng 1,94% so với kế hoạch 2012; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 11,84 tỷ đồng, tăng 58,74% so với năm 2011 nhưng thấp hơn so với kế hoạch là 9,91%. Nguyên nhân: Do chi phí của Công ty tăng khá cao (tăng 26,47% so với kế hoạch), chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh; Công ty sử dụng nợ ngắn hạn nhiều để dùng cho vốn lưu động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

HĐQT Công ty đánh giá Ban Điều hành đã tổ chức, thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT trong công tác, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh. Mặc dù năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh chung khi nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ, đã phải ngừng hoạt động, thậm chí bị phá sản nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt được kết quả khả quan. Tuy nhiên Ban Điều hành cần cố gắng hơn nữa, tăng cường quản lý chặt chẽ tiền hàng, đặc biệt là chi phí; kịp thời, nhạy bén trong chỉ đạo, điều hành để phấn đấu đạt được các chỉ tiêu cơ bản trong phương án sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Công ty hoạt động đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, nhất là chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.
- Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường công tác quản lý tiền hàng, tài sản của Công ty; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tăng cường giám sát cán bộ quản lý; đánh giá đúng năng lực, trình độ, ý thức, trách nhiệm, thái độ ứng xử của cán bộ quản lý để có biện pháp xử lý phù hợp.
- Xem xét, sắp xếp lại tổ chức bộ máy phù hợp với tình hình thực tế.
- Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết (%)
1	Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	6,097
2	Đỗ Đức Cơ	Ủy viên thường trực HĐQT	1,415
3	Trần Quang Dinh	Ủy viên HĐQT	1,417
4	Vũ Thiện Giáo	Ủy viên HĐQT	0,18
5	Nguyễn Ngọc Long	Ủy viên HĐQT	0,81

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2012 HĐQT Công ty họp 04 lần. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/BVTV.1-HĐQT	02/02/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. - Chỉ đạo công tác sản xuất, kinh doanh vụ Đông Xuân 2011-2012. - Chỉ đạo công tác sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và cán bộ chủ chốt của một số đơn vị trực thuộc. - Xây dựng kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. - Thông qua các nội dung xây dựng Quy chế trả lương trong công ty cổ phần.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
2	02/BVTV.1-HĐQT	27/3/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012; - Thông qua các nội dung báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2012; - Thông qua phương án thành lập Tổ Bán hàng Khu vực VII; - Thông qua phương án xây dựng thang bảng lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ để xây dựng Quy chế trả lương của Công ty. - Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát, quản lý hàng hóa, công nợ, tài sản, đất đai. Thực hiện công tác môi trường tại các Kho, Xưởng Sản xuất - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và áp dụng các chính sách bán hàng phù hợp đối với từng vùng thị trường.
3	03/BVTV.1-HĐQT	04/5/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án thành lập Phòng Vật tư thuộc Khối Văn phòng Công ty. - Bổ nhiệm Trưởng, Phó phòng Vật tư và Phó phòng Phát triển sản phẩm. - Phê duyệt phương án đầu tư mua 150m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 48A, đại lộ Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên làm Văn phòng làm việc Chi nhánh Phú Yên. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng. - Thông qua phương án tìm lô đất khác để làm Văn phòng Chi nhánh Quảng Ngãi vì lô đất cũ nằm trong quy hoạch xây dựng Bệnh viện của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
4	04/BVTV.1-HĐQT	09/11/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong toàn công ty. - Kiểm tra, rà soát việc thực hiện phương án kinh doanh của các đơn vị trực thuộc, tăng cường quản lý sản xuất, hàng hóa, tiền hàng, công nợ, khách hàng. - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, xác định cơ cấu hàng hóa, kế hoạch tài chính. - Bổ nhiệm ông Trần Đình Trung, phó giám đốc Chi nhánh Phú Yên giữ chức Giám đốc Chi nhánh Phú Yên. - Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Chi nhánh Phú Yên về địa chỉ, họ tên người đứng đầu Chi nhánh cho phù hợp. - Quyết định tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Thanh Hóa từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013 và làm thủ tục thông báo với các cơ quan chức năng theo đúng quy định hiện hành. - Chuyển giao thị trường Hà Tĩnh, Quảng Bình từ Chi nhánh Nam Khu IV về Tổ Bán hàng Khu vực IV quản lý. Quyết định ngừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Nam Khu IV. - Sắp xếp lại tổ chức bộ máy và nhân sự tại các đơn vị: Chi nhánh Nam Khu IV, Chi nhánh Quảng Ngãi, Tổ Bán hàng Khu vực IV. - Chỉ đạo công tác quản lý đất đai và làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất tại Hải Phòng.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết (%)
1	Đình Khắc Tuấn	Trưởng BKS	0,61
2	Doãn Thị Hằng	Ủy viên BKS	0,43
3	Lê Phan Thành	Ủy viên BKS	0,30

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã tiến hành công tác kiểm tra giám sát tại các đơn vị trực thuộc Công ty, tập trung kiểm tra giám sát vào các nội dung sau:

+ Việc thực hiện các quy định của Công ty.

+ Công tác bán hàng, thực hiện chính sách bán hàng chi trả chiết khấu cho khách hàng.

+ Công tác triển khai quản lý sản xuất, vệ sinh môi trường, an toàn lao động.

+ Công tác xuất nhập và bảo quản hàng hoá.

+ Công tác quản lý tiền hàng, thu hồi công nợ.

+ Công tác sử dụng quản lý lao động, quản lý sử dụng tài sản tại đơn vị.

+ Công tác quản lý vật tư tiền vốn tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty:

+ Công tác điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

+ Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của hội đồng quản trị
1	Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	15.360.000đ/năm
2	Đỗ Đức Cơ	Ủy viên thường trực HĐQT	12.960.000đ/năm
3	Trần Quang Dinh	Ủy viên HĐQT	10.560.000đ/năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của hội đồng quản trị
4	Vũ Thiện Giáo	Ủy viên HĐQT	10.560.000đ/năm
5	Nguyễn Ngọc Long	Ủy viên HĐQT	10.560.000đ/năm

+ Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Ban kiểm soát
1	Đình Khắc Tuấn	Trưởng BKS	10.000.000đ/năm
2	Doãn Thị Hằng	Ủy viên BKS	6.000.000đ/năm
3	Lê Phan Thành	Ủy viên BKS	6.000.000đ/năm

b) Giao dịch cổ phiếu:

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý):

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	264.838	5,045%	320.114	6,097%	Mua cổ phiếu
2.	Đình Khắc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	22.230	0,423%	32.230	0,614%	Mua cổ phiếu
3.	Nguyễn Thị Kim Xuân	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	20.000	0,381%	30.000	0,571%	Mua cổ phiếu
4.	Lương Thị Tú	Phó phòng Tài chính kế toán	28.600	0,545%	39.400	0,750%	Mua cổ phiếu
5.	Trần Hữu Tuyên	Trưởng ban dự án cây Công nghiệp	17.140	0,326%	22.140	0,422%	Mua cổ phiếu
6.	Đông Văn Đại	Giám đốc Chi nhánh Thanh Hoá	122.758	2,338%	132.758	2,529%	Mua cổ phiếu
7.	Đỗ Đức Tú	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm	4.755	0,091%	2.422	0,046%	Bán cổ phiếu

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Công ty CP Tập đoàn Trái Đất Xanh	Cổ đông lớn	286.000	5,448%	246.000	4,686%	Bán cổ phiếu

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Số : 91/2013/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban điều hành
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được lập ngày 16 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và

các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2013

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUỐC DŨNG
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0285/KTV

HOÀNG ĐÌNH HẢI
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 2282/KTV

2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		209.888.160.213	196.671.334.898
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.376.034.837	18.013.597.996
1. Tiền	111	V.01	17.376.034.837	18.013.597.996
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn(*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.027.782.489	30.470.615.206
1. Phải thu của khách hàng	131		20.727.096.379	27.057.461.593
2. Trả trước cho người bán	132		2.089.353.249	5.010.907.549
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	355.459.389	429.103.112
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.144.126.528)	(2.026.857.048)
IV. Hàng tồn kho	140		165.068.996.606	142.073.820.771
1. Hàng tồn kho	141	V.04	165.068.996.606	142.073.820.771
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(8)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.415.346.281	6.113.300.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		159.084.498	90.610.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.957.550.759	2.781.630.475
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	98.915	5.273.165
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.298.612.109	3.235.787.270
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		24.769.572.132	24.607.492.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
3. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.117.909.864	23.422.882.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	22.189.391.348	23.325.987.934
- Nguyên giá	222		49.500.613.449	47.816.716.066

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(27.311.222.101)	(24.490.728.132)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	831.624.000	-
- Nguyên giá	228		831.624.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	96.894.516	96.894.516
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.651.662.268	1.184.610.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.651.662.268	1.184.610.147
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270		234.657.732.345	221.278.827.495
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
A. Nợ phải trả(300=310+330)	300		150.217.940.929	141.591.003.150
I. Nợ ngắn hạn	310		150.217.940.929	141.408.772.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	105.618.191.190	118.998.896.945
2. Phải trả cho người bán	312		14.600.207.410	6.546.996.864
3. Người mua trả tiền trước	313		1.432.523.927	4.479.327.348
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	1.409.189.099	967.954.506
5. Phải trả người lao động	315		9.441.831.352	5.962.124.421
6. Chi phí phải trả	316	V.17	778.946.025	643.328.100
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	17.277.291.686	4.288.202.588
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(340.239.760)	(478.057.846)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	182.230.224
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	182.230.224
B. Vốn chủ sở hữu(400=410+430)	400		84.439.791.416	79.687.824.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	84.439.791.416	79.687.824.345
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.726.360.000	4.726.360.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		14.923.968.895	9.362.327.063
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(117.566.700)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	3.866.131.463

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.190.165.308	2.024.547.222
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.099.297.213	7.326.025.297
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		234.657.732.345	221.278.827.495

3. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		42.234.901.934	44.432.137.263
Nợ khó đòi đã xử lý	004		201.409.949	194.025.424
Ngoại tệ các loại: USD	005	V.01	2.498.21	165.159.7

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (a+b)	16	374.131.081.852	358.435.823.962
2	Các khoản giảm trừ:	17	1.064.202.183	1.984.514.492
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	18	373.066.879.669	356.451.309.470
11	Giá vốn hàng bán	19	289.579.713.661	268.706.842.264
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	83.487.166.008	87.744.467.206
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20	830.540.178	1.044.433.902
22	Chi phí tài chính	21	8.453.742.198	20.923.042.692
23	- Trong đó: lãi vay phải trả		7.558.280.526	10.321.436.056
24	Chi phí bán hàng	22	35.137.138.367	35.739.185.662
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	29.511.901.778	25.929.980.014
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động Kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]		11.214.923.843	6.196.692.740
31	Thu nhập khác		1.824.839.115	3.590.384.886
32	Chi phí khác		1.194.006.438	2.324.684.263
40	Lợi nhuận khác(40=31-32)		630.832.677	1.265.700.623
50	Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)		11.845.756.520	7.462.393.363
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	24	1.792.738.063	684.928.366
52	Chi phí thuế TNDN hoãn Lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)		10.053.018.457	6.777.464.997
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.915	1322

6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh		-		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		400.099.351.886	343.702.810.359

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(324.947.087.630)	(334.995.225.108)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.994.064.738)	(21.738.664.384)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.814.074.374)	(10.488.208.404)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(965.506.783)	(1.834.632.157)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.048.803.899	68.787.219.009
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.772.549.278)	(57.295.681.399)
+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.654.872.982	(13.862.382.084)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			(2.447.879.702)	(8.669.701.616)
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.044.038.809)	(9.086.322.485)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55.148.182	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		541.010.925	416.620.869
+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.447.879.702)	(8.669.701.616)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			(18.845.276.755)	19.736.439.442
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		284.937.129.126	203.531.411.433
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(298.317.834.881)	(176.061.490.311)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.464.571.000)	(7.733.481.680)
+ Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.845.276.755)	19.736.439.442
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(638.283.475)	(2.795.644.258)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.013.597.996	20.838.031.885
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		720.316	(28.789.631)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	17.376.034.837	18.013.597.996

Đại diện theo pháp luật của Công ty *Kem Xá*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Văn Thông